TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ KONTUM** **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34 /2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 05-6-2018.
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà ông Quách Văn Nưm

Các Hội thẩm nhân dân:1. Bà Nguyễn Thị Sương.

2. Ông Trương Duy Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: *27* /2018/QĐXX-ST ngày 26 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Y BL, sinh năm 1987. Có mặt.
Bị đơn: Anh A J, sinh năm 1986. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn Kon Rờ B I, xã Vinh Q , thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27/02/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn, chị Y BL trình bày:

Tôi và anh A J tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2006, tại Ủy ban nhân dân phường Quang T, thành phố Kon T, tinh Kon Tum. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01/2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống, không hợp nhau về lối sống, sinh hoạt, nên chúng tôi không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, đánh đập, cãi nhau và cứ thế mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tôi không còn tình cảm gì với anh A J và không thể sống chung được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con là A T, sinh ngày 19/01/2005 và Y L, sinh ngày 13/12/2010. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi 02 con và yêu

cầu anh A J cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng, kể từ tháng 06/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh A J: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh nhưng anh A J không có ý kiến gì và không tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/02/2018 Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum đã thụ lý vụ án xin ly hôn nguyên đơn là chị Y BL. Xét thấy chị Y BL và anh A J đều có nơi cư trú tại thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum do đó, yêu cầu ly hôn của chị Y BL là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y BL và anh A J có đăng ký kết hôn vào năm 2006 tại Ủy ban nhân dân phường Quang T, thành phố Kon T, tỉnh Kon Tum theo đúng quy định của pháp luật, do đó quan hệ hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Chị Y BL và anh A J chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh A J không chung thủy có quan hệ với người phụ nữ khác, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, anh A J gây mâu thuẫn vợ làm ảnh hưởng đến tình cảm của vợ chồng, vợ chồng không còn yêu thương nhau. Chị Y BL và anh A J đã sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ anh A J đến Tòa để hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ nhưng anh A J không thể hiện quan điểm,bỏ mặc việc xin ly hôn của chị Y BL, điều đó chứng tỏ anh A J không còn muốn níu kéo tình cảm vợ chồng làm cho hôn nhân càng trầm trọng hơn, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y BL là phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Có hai con chung là A T, sinh ngày 19/01/2005 và Y L, sinh ngày 13/12/2010.

Xét thấy, hiện nay các cháu A T và cháu Y L đã trên 7 tuổi hiện đang ở với mẹ và nguyện vọng của các cháu xin được ở với chị Y BL. Đồng thời điều kiện chăm sóc các con của chị Y BL tốt hơn anh A J, nên giao các cháu cho chị Y BL được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Y BL yêu cầu anh A J cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy, trách nhiệm nuôi dưỡng các con A T và Y L là trách nhiệm chung của cả hai vợ chồng chị Y BL và anh A J, căn cứ vào chi phí nuôi con bình quân mỗi tháng 4.000.000 đồng/02 con như chị Y BL đã đưa ra thì anh A J có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con A T và Y L là 2.000.000 đồng/02 con/tháng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Y BL phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm; Anh A J phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh A J: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù Tòa án đã thông báo, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng anh A J không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu về việc xin ly hôn và nuôi con của nguyên đơn chị Y BL và không tham gia tố tụng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc tranh chấp "Xin ly hôn và nuôi con" của chị Y BL đề ngày 27/02/2018.

Xử: Chị Y BL được ly hôn với anh A J.

- **Về con chung**: Giao hai con chung là A T, sinh ngày 19/01/2005 và Y L, sinh ngày 13/12/2010 cho chị Y BL trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh A J cấp dưỡng nuôi hai con A T, sinh ngày 19/01/2005 và Y L, sinh ngày 13/12/2010 mỗi tháng 2.000.000 đồng *(Hai triệu đồng),* thời gian cấp dưỡng, kể từ tháng 06/2018 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Anh A J có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Kể từ ngày chị Y BL có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng mà anh A J chậm cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Y BL phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001179 ngày 27/02/2018 của Chi cục hi hành án dân sự thành phố Kon Tum. Chị Y BL đã nộp đủ án phí. Anh A J phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng

Căn cứ Điều 271; Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/6/2018). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND TP KonTum;
- Chi cục THADS TP. KonTum;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Quách Văn Nưm